

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng:

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Kế toán**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **BÙI THỊ NGỌC**
2. Ngày tháng năm sinh: **01-05-1978**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
4. Quê quán: Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P44A8, Khu TTQĐ Bắc Nghĩa Tân, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ: Bùi Thị Ngọc, P44A8, Khu TTQĐ Bắc Nghĩa Tân, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0989 077 435;
E-mail: buithingoc.ldxh@gmail.com
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - 03/2000 - 08/2001: Trợ lý kiểm toán, Công ty Kiểm toán VACO Việt nam.
 - 09/2001 - 03/2003: Kế toán viên, Công ty TNHH Nhất Vinh.
 - 04/2003 - 09/2005: Giảng viên thỉnh giảng, Khoa kế toán, Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp I.
 - 10/2005 đến nay: Giảng viên, Khoa kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội.
 - 05/2007 - 06/2019: Phó Trưởng bộ môn Kế toán doanh nghiệp, Khoa Kế toán. Từ 2014 - 2017 kiêm nhiệm Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo tư vấn Tài chính Kế toán Thuế, Trường Đại học Lao động - Xã hội.
 - 07/2019 đến nay: Trưởng bộ môn Kế toán doanh nghiệp, Khoa Kế Toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Chức vụ hiện nay: **Trưởng bộ môn Kế toán doanh nghiệp**

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội

Địa chỉ cơ quan: 43 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0246.263.5000

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm; Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 16 tháng 07 năm 2000, ngành: Kế toán, chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp.

Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội, Việt Nam (Nay là Học viện Tài chính, Việt Nam).

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 02 tháng 11 năm 2006, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kế toán.

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Học viện Tài chính, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 04 tháng 10 năm 2012, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kế toán.

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Học viện Tài chính, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ..., chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Học viện Tài chính**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến kế toán tài chính trong quá trình hội nhập với kế toán quốc tế.

(2) Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị trong doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập.

(3) Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đào tạo, giảng dạy của giảng viên trường đại học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Hướng dẫn 03 NCS, trong đó 01 NCS bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ;

- Đã hướng dẫn 13 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH: Chủ nhiệm 04 đề tài cấp cơ sở, thư ký 01 đề tài cấp cơ sở, thành viên tham gia 02 đề tài cấp Bộ.

- Đã công bố 41 bài báo KH, trong đó 10 bài báo KH đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín ISI/ Scopus (07 bài là tác giả chính); 06 bài đăng trên Tạp chí quốc tế; 11 bài đăng Kỷ yếu Hội thảo quốc tế có mã ISBN; 10 bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành trong nước; 04 bài đăng Kỷ yếu Hội thảo quốc gia có mã ISBN.

- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 sách đều thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Từ 2015 - 2019: Liên tục đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở
 - Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2019, QĐ 2891/QĐ-ĐHLĐXH ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Lao động - Xã hội
 - Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2018, QĐ 90/QĐ-ĐHLĐXH ngày 15/01/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Lao động - Xã hội
 - Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017, QĐ 177/QĐ-ĐHLĐXH ngày 26/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Lao động - Xã hội
 - Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2016, QĐ 61/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 12/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội
 - Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2015, QĐ 1826/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 28/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội
- Năm 2020: Bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2019, QĐ 346/QĐ-LĐTBXH ngày 25/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.
- Năm 2016: Bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường giai đoạn 2010-2015, QĐ 629/QĐ-LĐTBXH, ngày 19/05/2016 của Bộ trưởng Lao động Thương binh và xã hội.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

- *Đánh giá về tư tưởng chính trị, đạo đức:* Bản thân tôi là giảng viên trong Trường Đại học Lao động - Xã hội, tôi luôn cố gắng rèn luyện phẩm chất chính trị, vững vàng kiên định, luôn tuân thủ đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ, Chi bộ, chấp hành tốt kỷ luật lao động của đơn vị công tác và nơi cư trú, không vi phạm pháp luật, có tinh thần phê và tự phê. Tôi luôn giữ lối sống lành mạnh, trong sáng, sống giản dị, trung thực và thẳng thắn đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong công tác, luôn giữ vững phẩm chất đạo đức của người giảng viên, uy tín và danh dự của nhà giáo, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ đồng nghiệp và sinh viên, có tinh thần đoàn kết, có ý thức với công việc chung.

- *Đánh giá về nhiệm vụ giảng dạy:* Với cương vị là Trưởng bộ môn, là giảng viên tôi tham gia giảng dạy các học phần cho hệ đào tạo đại học và sau đại học; Tham gia hướng dẫn học viên cao học và sinh viên đại học; Tham gia các hội đồng bảo vệ luận văn Thạc sĩ, đề tài cơ sở, các hội đồng thẩm định và nghiệm thu các giáo trình, bài giảng, tài liệu dịch, ngân hàng đề thi, đề cương các môn học; Tham gia xây dựng ngân hàng đề thi, chủ nhiệm các ngân hàng đề thi hệ đại học; Tham gia ra đề thi tuyển sinh cao học... Tôi luôn hoàn thành khối lượng giảng dạy hàng năm vượt định mức giờ chuẩn, chất lượng giảng dạy tốt. Các năm đều đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Trường Đại học Lao động - Xã hội và của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

- *Đánh giá về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học:* Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ cơ bản của giảng viên. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu khoa học đối với giảng viên đại học, bản thân tôi đã luôn luôn tìm hiểu, học hỏi và thực hiện nhiều công trình nghiên cứu như: Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, tham gia nghiên cứu các đề tài cấp Bộ, chủ biên giáo trình, tài liệu dịch, viết các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành và các tạp chí quốc tế có uy tín. Trong quá trình nghiên cứu tôi luôn giữ vững đạo đức nghiên cứu, nghiêm túc, cầu thị và nghiêm khắc với chính mình.

- *Đánh giá về nhiệm vụ quản lý đào tạo:* Với cương vị là người Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm về nội dung chất lượng tiến độ của các học phần thuộc bộ môn, tôi luôn luôn lập kế hoạch, phân công và giám sát việc giảng dạy của giảng viên; Định hướng phát triển chuyên môn; Hỗ trợ giảng viên trong bộ môn thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Tham gia các công tác kiêm nhiệm khác như cố vấn học tập, tham gia công tác Đảng và các phong trào đoàn thể. Bản thân tôi nhận thấy mình có trình độ chuyên môn, trình độ tin học, trình độ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu giao tiếp, nghiên cứu và giảng dạy.

- *Đánh giá về nhiệm vụ học tập, nâng cao trình độ:* Cá nhân là một giảng viên tại một trường đại học chưa có nhiều danh tiếng nên tôi luôn ý thức rằng mình phải cố gắng vươn lên để từng bước khẳng định uy tín cá nhân và uy tín nhà trường. Trong những năm vừa qua, tôi luôn luôn nỗ lực tự học từ các thể hệ đồng nghiệp đi trước, các anh chị em bạn bè và đồng nghiệp để trau dồi và phát triển chuyên môn. Ngoài ra, để phát triển nghiên cứu khoa học, tôi luôn tích cực tham gia các khóa học về phương pháp nghiên cứu, kỹ năng viết bài quốc tế, các chương trình hội thảo, các khóa đào tạo về Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

Tôi tự đánh giá mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*)

Tính đến thời điểm hiện nay, tôi đã có thời gian công tác gần 18 năm trong ngành giáo dục, trong đó gần 14 năm công tác tại trường Đại học Lao động - Xã hội.

- Thời gian đào tạo 6 năm gần đây, từ 2014 đến 2020 như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/ Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015			0	10	288	60	348/582/238
2	2015-2016			3	3	348	135	483/845/230
3	2016-2017		3	3	11	252	195	447/867/230
3 năm học cuối								
4	2017-2018		3	3	16	306	75	381/827/230
5	2018-2019		3	3	11	198	135	333/759/230
6	2019-2020		3	3	13	216	75	291/565/216

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác; :

Diễn giải: Chứng chỉ Tiếng Anh chuyên ngành Tài Chính, Kế toán, Ngân hàng

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ Tiếng Anh: C

- Chứng chỉ Tiếng Anh: B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2015 đến 2020	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hoàng Thị Tuyền		x	x		05/2015-02/2016	ĐH công nghiệp HN	18/03/2016
2	Trần Thị Hồng Quý		x	x		02/2016-12/2016	ĐH LĐXH	16/01/2017
3	Phạm Thị Phượng		x	x		02/2016-12/2016	ĐH LĐXH	16/01/2017
4	Lê Thị Thu Hà		x	x		02/2016-12/2016	ĐH LĐXH	22/01/2018
5	Nguyễn Khánh Linh		x	x		02/2017-12/2017	ĐH LĐXH	22/01/2018
6	Bùi Thị Phương Mơ		x	x		02/2017-12/2017	ĐH LĐXH	22/01/2018
7	Phạm Giang Oanh		x	x		02/2017-12/2017	ĐH LĐXH	22/01/2018
8	Trần Thị Thu Hà		x	x		03/2018-12/2018	ĐH LĐXH	29/01/2019
9	Đinh Thị Hương		x	x		03/2018-12/2018	ĐH LĐXH	29/01/2019
10	Lê Chí Hiếu		x	x		03/2018-12/2018	ĐH LĐXH	29/01/2019
11	Trương Trung Kiên		x	x		02/2019-12/2019	ĐH LĐXH	13/01/2020
12	Nguyễn Khánh Phương		x	x		02/2019-12/2019	ĐH LĐXH	13/01/2020
13	Đinh Thị Luyến		x	x		02/2019-12/2019	ĐH LĐXH	13/01/2020
14	Nguyễn Thị Thanh	x			x	12/2016-03/2020	HVTC	2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án TS							
1	Bài tập Kế toán tài chính QĐXB số: 08/QĐ-NXBTC ngày 10/01/2011	HD 141 trang	NXB Tài chính, 2011	13		Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật những thay đổi của chế độ kế toán trong lần tái bản thứ nhất	GXN ngày 25/06/2020 của Trường ĐHLĐXH
2	Giáo trình Kế toán tài chính QĐXB số: 254/QĐ-NXBTC ngày 06/12/2010	GT 540 trang	NXB Tài chính, 2011	12		Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật những thay đổi của chế độ kế toán trong lần tái bản thứ hai	GXN ngày 25/06/2020 của Trường ĐHLĐXH
Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án TS							
3	Giáo trình Tổ chức kế toán ISBN: 978-604-9931-73-4	GT 400 trang	NXB Bách Khoa HN 2020	5		321-400 Tổng: 80/400 trang	GXN ngày 25/06/2020 của Trường ĐHLĐXH
4	Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán ISBN: 978-604-9931-72-7	GT 376 trang	NXB Bách Khoa HN 2020	6	Đồng chủ biên (2 đồng chủ biên)	3-65; 176-228; 319-339 Tổng: 137/376 trang	GXN ngày 25/06/2020 của Trường ĐHLĐXH
5	Giáo trình Chuẩn mực kế toán ISBN: 978-604-9982-29-6	GT 496 trang	NXB Bách Khoa HN 2020	3	Đồng chủ biên (2 đồng chủ biên)	81-154; 340-473; Tổng: 208/496 trang	GXN ngày 15/06/2020 của Trường ĐH Mở HN GXN ngày 25/06/2020 của Trường ĐHLĐXH

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang ... đến trang ... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/ Xếp loại KQ
<i>Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án TS</i>					
<i>Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án TS</i>					
1	Vận dụng kế toán trách nhiệm để kiểm soát chi phí tại trường ĐHLĐXH	TK	CS-KT: 01-2012, Cấp cơ sở	04/2013- 04/2014	QĐ 746/QĐ- ĐHLĐXH ngày 06/5/2014 Xếp loại: Khá
2	Giải pháp nâng cao năng lực NCKH và công nghệ trong lĩnh vực lao động - xã hội cho đội ngũ giảng viên tại các trường đại học thuộc Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội	UV	CB2014-12- 18, Cấp Bộ	01/2014- 12/2014	Biên bản nghiệm thu ngày 29/1/2015 Xếp loại: Xuất sắc
3	Đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên tại trường Đại học Lao động - Xã hội	CN	CT2015-01- 02, Cấp cơ sở	01/2015- 12/2015	QĐ 401/QĐ- ĐHLĐXH ngày 10/3/2016 Xếp loại: Tốt
4	Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học thông qua liên kết đào tạo giữa các trường đại học khối kinh tế - xã hội với doanh nghiệp	UV	CB2015-04- 01, Cấp Bộ	01/2015- 12/2015	QĐ 773/QĐ- BLĐTBXH ngày 23/6/2016 Xếp loại: Tốt
5	Vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy các môn học ngành Kế toán tại trường Đại học Lao động - Xã hội	CN	CT2016-01- 03, Cấp cơ sở	01/2016- 12/2016	QĐ 679/QĐ- ĐHLĐXH ngày 07/04/2017 Xếp loại: Tốt
6	Xây dựng báo cáo bộ phận phục vụ kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Dược phẩm trên địa bàn Hà Nội	CN	CT2017-01- 07, Cấp cơ sở	01/2017- 12/2017	QĐ 2385/QĐ- ĐHLĐXH ngày 19/12/2017 Xếp loại: Xuất sắc
7	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp	CN	CT2018-01- 08, Cấp sơ sở	01/2018- 12/2018	QĐ 25/QĐ- ĐHLĐXH ngày 07/01/2019 Xếp loại: Tốt

Lưu ý:

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế).

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án TS								
1	Kế toán lợi thế thương mại trong hợp nhất kinh doanh	1	x	Tạp chí Kinh tế phát triển ISSN: 1859-0012			130, 36-38	2008
2	Bàn về quy định giá trị hợp lý trong hợp nhất kinh doanh	1	x	Tạp chí Kế toán ISSN: 1859-1914			71, 31-33	2008
3	Phép biện chứng duy vật trong nguyên lý kế toán	1	x	Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán ISSN: 1859-1671			10, 35-37	2008
4	Bàn về phương pháp kết hợp lợi ích trong hợp nhất kinh doanh	1	x	Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán ISSN: 1859-4093			10(87), 33-36	2010
5	Những thay đổi quan trọng trong chuẩn mực lập và trình bày BCTC quốc tế về hợp nhất kinh doanh	1	x	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán ISSN: 1859-1914			4(91), 22-24	2011
6	Bàn về những vấn đề lợi thế thương mại	1	x	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán ISSN: 1859-1914			07(106), 9-11	2012
7	Phương pháp kế toán hợp nhất kinh doanh	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán ISSN: 1859-4093			08, 18-22	2012
Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án TS								
8	Vận dụng kế toán trách nhiệm trong trường đại học	1	x	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán ISSN: 1859-1914			4(127), 23-26	2014
9	Management accounting information in Vietnamese small and medium-sized enterprises	2		International Conference on Emerging Challenges: Managing to Success (ICECH2015): ISBN: 978-604-938-723-4			196-207	2015

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
10	Obstacles in transfer pricing inspections of the multinational companies in Vietnam	2		Proceedings of International Conference on Accounting and Finance, ICOAF 2016, Danang ISBN: 978-604-84-1563-1			430-438	2016
11	Lợi nhuận và quản trị dòng tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2	x	Hội thảo Quốc gia, Đại học Quy Nhơn, 2016 ISBN: 978-604-922-344-0			127-135	2016
12	Establish model of responsibility accounting for cost control and evaluating operational efficiency of university	1	x	International Conference proceedings- Management Accounting International experiences and current situations in Vietnam, VAA. ISBN: 978-604-79-1468-5			236-242	2016
13	Kinh nghiệm về liên kết đào tạo giữa trường đại học với doanh nghiệp - Bài học trong đào tạo kế toán tại Việt Nam	1	x	Hội nghị Quốc tế về Khoa học và Công nghệ, ĐH Điện lực, 2016 ISBN: 978-604-67-0793-6			1243-1253	2016
14	Factors impact on accounting information systems in vietnamese small and medium-sized enterprises	1	x	International Conference on Emerging Challenges: Partnership enhancement: Bach Khoa, 2016 ISBN: 978-604-93-8961-0			251-259	2016

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
15	Tác động của kết quả học tập đến chất lượng việc làm của sinh viên kế toán - nghiên cứu tại trường Đại học Lao động - Xã hội.	2		Hội thảo khoa học Quốc tế “Đào tạo và Nghiên cứu về Kinh tế thị trường của các trường đại học Việt Nam”, NEU, 2016 ISBN: 978-604-946-182-8			507-516	2016
16	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến mức độ hài lòng của giảng viên trong trường Đại học	2	x	Tạp Chí Kinh tế, phát triển ISSN: 1859-0012			239, 100-108	2017
17	Factors affecting outsourcing of accounting of enterprise executives in Vietnam	2		Proceedings International Conference For Young Researchers In Economics And Business, ICYREB 2017, Da Nang. ISBN: 978-604-84-2640-8			607-616	2017
18	Ý định sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập của sinh viên - Nghiên cứu tại trường Đại học Lao động - Xã hội	2		Tạp chí Khoa học giáo dục nghề nghiệp ISBN: 2354-0583			50, 44-51	2017
19	Assessment of the intention to use online accounting software of vietnamese enterprises	2		Proceedings of the 6th International Conference on Emerging Challenges: Strategic Integration (ICECH2017), ISBN: 978-604-95-0358-0			129-135	2017

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
20	Management Accounting Information in Vietnamese Small and Medium Sized Enterprises https://doi.org/10.5430/afr.v7n1p130	3		Accounting and Finance Research E-ISSN: 1927- 5994			7(1), 130-138	2018
21	Effect of Corporate Social Responsibility Disclosure on Financial Performance https://doi.org/10.5296/ajfa.v10i1.12592	2	x	Asian Journal of Finance & Accounting ISSN: 1946-052X	H index: 15	3*	10(1); 40-58	2018
22	Solutions to Strengthen the Internal Control System in Paper Manufacturing Enterprises https://dx.doi.org/10.2606/jaef.2018.33002	2	x	Journal of Advances in Economics and Finance ISSN: 2519-5999 (Online)			3(3); 71-87	2018
23	The Relationship Between Corporate Social Responsibility Disclosures and Corporate Value: Evidence from Listed Companies on Vietnam's Stock Market http://dx.doi.org/10.5296/ifb.v5i2.13868	3	x	International Finance and Banking ISSN: 2374-2089			5(2); 22-46	2018

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
24	Evaluation of Knowledge and Skills of ULSA Accounting Graduates in the Globalization Period	2		International conference on finance, accounting and auditing: Accounting, auditng and finance in the digital age, NEU ISBN: 978-604-946-498-0			237-251	2018
25	Đánh giá phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo Kế toán: Nghiên cứu thực nghiệm tại trường Đại học Lao động - Xã hội	1	x	Hội thảo: Đổi mới căn bản và toàn diện hoạt động đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, TPHCM ISBN: 978-604-84-3502-8			283-295	2018
26	Relationship between experts and enterprises view as IFRS application: an impirical study in Viet nam DOI: 10.18488/journal.aefr. 2019.98.946.963	3		Asian Economic and Financial Review ISSN: 2222-6737 (Online)	Scopus Q3 H Index: 8	1*	9(8); 946-963	2019
27	Factors affecting job satisfaction of lecturers - evidence from Vietnamese universities https://doi.org/10.14738/abr.710.7209	1	x	Archives of Business Research ISSN: 2054-7404			7(10); 19-40	2019

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
28	The implication of applying IFRS in Vietnamese enterprises from an expert perspective: International Journal of Economics and Management Studies. DOI: 10.5267/j.msl.2019.9.025	3	x	Management Science Letters ISSN: 1923-9343	Scopus Q2 H Index: 13		10(2020) 551-564	2019
29	Báo cáo bộ phận phục vụ quản trị doanh nghiệp ngành dược	2	x	Hội thảo khoa học quốc gia: Đào tạo kế toán Kiểm toán đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Đại học LĐXH/ ISBN: 978-604-65-4423-4			281-300	2019
30	Motives of Transfer Pricing in Vietnamese Enterprises	2	x	International Conference on Finance, Accounting and Auditing: Contemporary issues in accounting, auditing and finance (ICFAA 2019), ISBN: 978-604-946-742-4			791-803	2019

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
31	Segment report on management pharmaceutical enterprises. https://www.abacademies.org/articles/Segment-Report-on-Management-Pharmaceutical-Enterprises-1528-2635-23-6-481.pdf	2	x	Academy of Accounting and Financial Studies Journal ISSN: 1528-2635	Scopus Q4 H Index: 11		23(5); 1-22	2019
32	Budgeting for management functions in the pharmaceutical enterprises. http://www.internationaljournalsrsg.org/IJEMS/2019/Volume6-Issue11/IJEMS-V6I11P105.pdf	2	x	International Journal of Economics and Management Studies ISSN: 2393-9125			6(11); 34-43	2019
33	Identification of domestic transfer price in Vietnamese enterprises.	3	x	Proceedings of the 7th International Conference on Emerging Challenges: Management in the Digital Evolution (ICECH2019) ISBN: 978-604- 98-7519-9			141-150	2019

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
34	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi điều chỉnh lợi nhuận của các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán việt nam	4		Hội thảo quốc gia: “Kế toán, kiểm toán trong thế giới số” (VCAA 2019). ISBN: 978-604-80-4348-3.			549-561	2019
35	Factors affecting the application of management accounting in Vietnamese enterprises DOI: 10.5267/j.uscm.2019.10.003	4		Uncertain Supply Chain Management ISSN: 2291-6830	Scopus Q2 H Index: 12	2*	8(2020); 403-422	2019
36	Benefits and Difficulties of Adopting IFRSs https://www.ijicc.net/index.php/volume-10-2019/145-vol-10-iss-9	3		International Journal of Innovation, Creativity and Change ISSN 2201-1323	Scopus Q2 H Index: 11		10(9); 205-225	2019
37	Management accounting practices among vietnamese small and medium enterprises DOI: 10.18488/journal.aefr.2020.101.94.115	3	x	Asian Economic and Financial Review E-ISSN: 2222-6737	Scopus Q3 H Index: 8		10(1); 94-115	2020
38	Roadmap for the implementation of IFRS in Vietnam: Benefits and challenges DOI: 10.5267/j.ac.2020.4.005	3	x	Accounting ISSN: 2369-7407	Scopus Q4 H Index: 2		6(2020); 533-552	2020

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
39	Responsibility Accounting in Public Universities: A Case in Vietnam doi:10.13106/jafeb.202 0.vol7.no7.169	2	x	Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB) ISSN: 2288-4645 (online)	ISI, Scopus, Q3 H Index: 3		7(7); 169-178	2020
40	Estimation of Benefits and Difficulties when Applying IFRS in Vietnam From Business Perspective (Letter of Acceptance)	3	x	International Journal of Financial Research E-ISSN: 1923- 4031	Scopus Q3 H Index: 3		11(4)	2020
41	Factors affecting the adoption of fair value accounting: Evidence from listed companies in Vietnam (Letter of Acceptance)	1	x	International Journal of Innovation, Creativity and Change ISSN: 2201-1323	Scopus Q2 H Index: 11		Regular Issue of 2020	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **07 bài**

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

* Số lần trích dẫn: <https://www.researchgate.net/>

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Kế toán theo Quyết định số 1592/QĐ-ĐHLDXH ngày 18/09/2013 của Trường Đại học Lao động - Xã hội;
- Tham gia thẩm định đề cương học phần thuộc chương trình đào tạo tín chỉ ngành Kế toán trình độ Đại học theo Quyết định số 825/QĐ-ĐHLDXH ngày 30/06/2015 của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng
ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH
là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH
là tác giả chính theo quy định:

() Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Thị Ngọc